

Bản án số: 440/2024/HS-PT

Ngày: 19 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: ông Phạm Việt Cường

ông Trần Đức Kiên

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Duy Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Lê Ra, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý phúc thẩm số 417/2024/TLPT-HS ngày 08-8-2024, đối với bị cáo **Phan Thành H**, do có kháng cáo của bị cáo, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HSST ngày 16-5-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phan Thành H (tên gọi khác: **T**); sinh ngày 28/9/1993 tại Quảng Trị. Nơi cư trú: **Tổ D, khu phố D, phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 06/12; họ và tên bố: **Phan Thanh K** (đã chết); họ và tên mẹ: **Nguyễn Thị N** sinh năm 1969; bị can chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 03/11/2022 cho đến nay; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Đ**, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Đào Ngọc C - Văn phòng L7** thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh Đ**; địa chỉ: **B H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; có đơn xin xét xử vắng mặt và có gửi bản luận cứ bào chữa cho bị cáo; bị cáo đồng ý xử vắng mặt luật sư.

*** Bị hại:** có 60 bị hại và 14 người liên quan, không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản

Với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền tiêu xài cá nhân, từ năm 2018, **Phan Thành H** đã sử dụng các công cụ trên mạng Internet tạo lập một website giả mạo dịch vụ chuyển tiền quốc tế Western Union nhằm thu thập thông tin về số điện thoại đăng ký làm tài khoản ngân hàng, mật khẩu, mã OTP chuyển tiền. Sau khi tạo lập website giả mạo, **H** đăng ký và sử dụng tài khoản mạng xã hội **F** có tên “**Yến N1**” để tìm và nhắn tin qua ứng dụng **M** đến các tài khoản Facebook của những người là tu sĩ, người quyên góp từ thiện và người bán hàng online để kết bạn và làm quen. **H** giới thiệu bản thân đang sinh sống tại nước ngoài và muốn quyên góp tiền ủng hộ nhà chùa, làm từ thiện hoặc mua sản phẩm mà người bị hại đang bán trên tài khoản Facebook. Sau đó, **H** hướng dẫn người bị hại cung cấp thông tin tài khoản ngân hàng để **H** chuyển tiền, sau khi người bị hại cung cấp số tài khoản ngân hàng thì **H** thông báo với họ là đã chuyển tiền và **H** làm giả hình ảnh hóa đơn, thể hiện nội dung việc tiếp nhận tiền của dịch vụ chuyển tiền quốc tế **Western U** và gửi hình ảnh tới người bị hại khiến họ tưởng rằng **H** đã chuyển tiền. Sau đó, **H** gửi cho bị hại 01 đường dẫn (link) đến website giả mạo Western Union mà **H** đã tạo lập và yêu cầu người bị hại truy cập vào đường link, thực hiện các bước cung cấp thông tin trên website giả mạo để nhận được tiền. Sau khi truy cập, người bị hại phải nhập các thông tin mà website giả mạo yêu cầu trong đó có cung cấp số điện thoại đăng ký làm tài khoản ngân hàng trên ứng dụng di động và mật khẩu đăng nhập trên ứng dụng và mã OTP được gửi đến điện thoại của người bị hại để xác thực giao dịch chuyển tiền. Khi người bị hại nhập các thông tin trên website thì các thông tin này sẽ được gửi về địa chỉ **G** của **H**, **H** sử dụng điện thoại di động có cài đặt ứng dụng của các ngân hàng và nhập các thông tin thu thập được để truy cập vào tài khoản ngân hàng của bị hại để thực hiện các lệnh chuyển tiền, **H** sử dụng mã OTP mà người bị hại cung cấp để hoàn tất việc chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của bị hại đến tài khoản ngân hàng của **H** và chiếm đoạt.

Số tiền chiếm đoạt của các bị hại được **H** chuyển trực tiếp đến các tài khoản ngân hàng gồm tài khoản **ngân hàng V3 (Ngân hàng TMCP V4)** số 10128091993, tài khoản **ngân hàng M8 (Ngân hàng thương mại cổ phần H17)** số 26001010988560 và số 26086012091993 (hai tài khoản ngân hàng này đã bị khoá) của **Phan Thành H**, hoặc chuyển từ tài khoản ngân hàng của bị hại đến tài khoản **ngân hàng V5** ghi trên các trang Game online Betvisa, Game73 để nạp vào tài khoản game của **H**, hoặc nếu bị hại không đăng ký dịch vụ chuyển tiền trên điện thoại thì **H** sử dụng các thông tin mà bị hại đã cung cấp để tạo tài khoản ví điện tử MOMO sau đó liên kết ví điện tử MOMO với tài khoản ngân hàng của bị hại rồi thực hiện việc rút tiền về ví điện tử MOMO và chuyển tiền từ ví MOMO đến tài khoản ngân hàng của **H**.

Với phương thức thủ đoạn như trên, **Phan Thành H** đã chiếm đoạt của **53 bị hại** với tổng số tiền **542.761.110 đồng**, cụ thể như sau:

1. Ông **Dương Văn N2** bị **H** truy cập trái phép vào tài khoản **ngân hàng V6** số 101860754888 mang tên **Dương Văn N2** và sử dụng mã OTP ông **N2** cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 80.000.000 đồng;

2. Ông **Trần H1** bị **Phan Thành H** truy cập trái phép vào tài khoản **ngân hàng V5** số 0421003910725 mang tên **Trần H1** và sử dụng mã OTP ông **H1** cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 49.198.592 đồng;

3. Ông **Lương Tấn T1** bị **Phan Thành H** truy cập trái phép vào tài khoản **ngân hàng A4** số 4601205080997 mang tên **Lương Tấn T1** và sử dụng mã OTP ông **T1** cung cấp để chiếm đoạt 23 lần với tổng số tiền chiếm đoạt là 43.751.780 đồng;

4. Bà **Huỳnh Thị Phương N3** bị **H** truy cập trái phép vào tài khoản **ngân hàng M9** số 0832350606 mang tên **Huỳnh Thị Phương N3** và sử dụng mã OTP bà **N3** cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 9.999.999 đồng;

5. Ông **Kiên Thái H2** bị **Phan Thành H** truy cập trái phép vào tài khoản **ngân hàng S1** số 070110753177 mang tên **Kiên Thái H2** và sử dụng mã OTP ông **Kiên Thái H2** cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 2.012.920 đồng;

6. Ông **Phan Văn H3** bị **Phan Thành H** truy cập trái phép vào tài khoản **ngân hàng S1** số 070085404375 mang tên **Phan Văn H3** và sử dụng mã OTP ông **H3** cung cấp để chiếm đoạt 07 lần với tổng số tiền 6.572.760 đồng;

7. Ông **Hồ Ngọc V** bị **Phan Thành H** truy cập trái phép vào tài khoản **ngân hàng A4** số 4304205231577 mang tên **Hồ Ngọc V** và sử dụng mã OTP ông **V** cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 1.984.331 đồng;

8. Ông **Đặng Chí T2** bị **Phan Thành H** truy cập trái phép vào tài khoản **ngân hàng V5** số 0271001074809 mang tên **Đặng Chí T2** và sử dụng mã OTP ông **T2** cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 550.000 đồng;

9. Ông **Phan Minh T3** bị **Phan Thành H** truy cập trái phép vào tài khoản **ngân hàng V5** số 1013515589 mang tên **Phan Minh T3** và sử dụng mã OTP ông **T3** cung cấp để chiếm đoạt 01 lần số tiền 1.050.000 đồng;

10. Ông **Trần Ngọc M1** bị **Phan Thành H** truy cập trái phép vào tài khoản **ngân hàng T19** số 19038450687012 mang tên **Trần Ngọc M1** và sử dụng mã OTP ông **M1** cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 150.000 đồng;

11. Bà **Nguyễn Thị T4** bị **Phan Thành H** truy cập trái phép vào tài khoản **ngân hàng B** số 76210000494616 mang tên **Nguyễn Thị T4** và sử dụng mã OTP bà **T4** cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 1.488.941 đồng.

12. Ông **Trần Vi T5** bị **Phan Thành H** truy cập trái phép vào tài khoản **ngân hàng M9** số 0973862834 mang tên **Đặng Văn H4** (là người quen của ông **T5**) và sử dụng mã OTP ông **T5** cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 1.299.999 đồng;

13. Ông **Trần Bình A** bị **Phan Thành H** truy cập trái phép vào tài khoản **ngân hàng S2** số 060197943222 mang tên **Trần Bình A** và sử dụng mã OTP ông **A** cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 4.000.000 đồng;

14. Bà **Trịnh Yến L** bị **Phan Thành H** truy cập trái phép vào tài khoản **ngân hàng M9** số tài khoản 0948880304 mang tên **Trịnh Yến L** và sử dụng mã OTP bà **L** cung cấp để chiếm đoạt 02 lần với số tiền 990.000 đồng;

15. Bà **Nguyễn Thị Nhật L1** bị **Phan Thành H** truy cập trái phép vào tài khoản **ngân hàng T19** số 19029717246011 mang tên **Nguyễn Thị Nhật L1** và sử dụng mã OTP bà **L1** cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 5.500.000 đồng;

16. Ông **Lê Ngọc H5** bị **Phan Thành H** truy cập trái phép vào tài khoản **ngân**

hàng S1 số tài khoản 06019794322 mang tên Lê Ngọc H5 và sử dụng mã OTP ông H5 cung cấp để chiếm đoạt 04 lần với tổng số tiền 17.750.000 đồng;

17. Bà Trịnh Thị Kim T6 bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng V7 số 104003906205 mang tên Trịnh Thị Kim T6 và sử dụng mã OTP bà T6 cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 13.200.000 đồng;

18. Bà Lê Thị Thu T7 bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng A4 số 5609205105633 mang tên Lê Thị Thu T7 và sử dụng mã OTP bà T7 cung cấp để chiếm đoạt 02 lần với tổng số tiền 3.026.100 đồng;

19. Ông Đồng C1 T2 bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng V7 số 104800170399 mang tên Đồng Chí T2 và sử dụng mã OTP ông T2 cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 200.000 đồng;

20. Bà Nguyễn Thị N4 bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng A4 số 4700205829234 mang tên Nguyễn Thị N4 và sử dụng mã OTP bà N4 cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 993.551 đồng;

21. Ông Nguyễn Thanh H6 bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng A4 số 4313205083643 mang tên Nguyễn Thanh H6 và sử dụng mã OTP ông Nguyễn Thanh H6 cung cấp để chiếm đoạt 06 lần với tổng số tiền 7.156.038 đồng;

22. Ông Nguyễn Văn T8 bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng T19 số tài khoản 19034378077012 mang tên Nguyễn Văn T8 và sử dụng mã OTP ông T8 cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 44.300.000 đồng;

23. Bà Lương Thúy H7 bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng S1 số 030120112003 mang tên Lương Thúy H7 và sử dụng mã OTP bà H7 cung cấp để chiếm đoạt 02 lần với tổng số tiền 22.250.000 đồng;

24. Bà Trần Ngọc M2 bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng V7 số 104868954720 mang tên Trần Ngọc M2 và ngân hàng A5 số 7319687 mang tên Nguyễn Thiên Hoàn V1 (là bạn của Trần Ngọc M2), H sử dụng mã OTP bà M2 cung cấp chiếm đoạt 06 lần với tổng số tiền 6.131.000 đồng, trong đó chiếm đoạt 05 lần với tổng số tiền 1.631.000 đồng trong tài khoản ngân hàng V7 số 104868954720 mang tên Trần Ngọc M2 và chiếm đoạt 01 lần với số tiền 4.500.000 đồng trong tài khoản ngân hàng A5 mang tên Nguyễn Thiên Hoàn V1;

25. Ông Nguyễn Hải S bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng A4 số 5213205059460 mang tên Nguyễn Hải S và sử dụng mã OTP ông S cung cấp để chiếm đoạt 02 lần với tổng số tiền 1.082.257 đồng;

26. Bà Nguyễn Thị Thúy H8 bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng T19 số 19020505941014 mang tên Nguyễn Thị Thúy H8 và sử dụng mã OTP bà H8 cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 62.300.000 đồng;

27. Ông Nguyễn Văn H9 bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng V3 số 88043038 mang tên Nguyễn Văn H9 và sử dụng mã OTP ông H9 cung cấp để chiếm đoạt 05 lần với tổng số tiền 11.900.000 đồng;

28. Ông Vũ Thanh K1 bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng V6 số 104001875101 mang tên Nguyễn Xuân N5 và sử dụng mã OTP ông K1 cung cấp để chiếm đoạt 15 lần với tổng số tiền 10.794.900 đồng;

29. Bà Nguyễn Thu T9 bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản

ngân hàng V5 số 0931004211023 mang tên Phan Thị H10 (là bạn của bà T9), Phan Thành H sử dụng mã OTP bà T9 cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 13.711.000 đồng;

30. Ông Đinh Văn Đ bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng S1 số 040105658550 mang tên Đinh Văn Đ và sử dụng mã OTP ông Đ cung cấp để chiếm đoạt 02 lần với tổng số tiền 2.002.650 đồng;

31. Bà Nguyễn Ngọc C2 T2 bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng A4 số 6618205021973 mang tên Nguyễn Hoàng A1 (là chồng của bà T2), Phan Thành H sử dụng mã OTP bà T2 cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 405.900 đồng;

32. Bà Phạm Thị T10 bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng V6 số 108870134403 mang tên Phạm Thị T10 và sử dụng mã OTP bà T10 cung cấp để chiếm đoạt 02 lần với tổng số tiền 1.510.000 đồng;

33. Ông Trương Nhật T11 bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng A5 số 11797937 mang tên Trương Nhật T11 và sử dụng mã OTP ông T11 cung cấp để chiếm đoạt 05 lần với tổng số tiền 9.150.000 đồng;

34. Ông Nguyễn Văn M3 bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng A4 4705205219707 mang tên Nguyễn Văn M3 và sử dụng mã OTP ông M3 cung cấp để chiếm đoạt 05 lần với tổng số tiền là 8.930.875 đồng;

35. Bà Vũ Thị T12 bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng V7 số 105006227792 mang tên Vũ Thị T12 và sử dụng mã OTP bà T12 cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 894.473 đồng;

36. Ông Nguyễn Cao K2 bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng S1 số 060125397940 mang tên Nguyễn Cao K2 và sử dụng mã OTP ông K2 cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 301.938 đồng;

37. Ông Trần Nguyên H11 bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng V7 số 105868159336 mang tên Trần Nguyên H11 và sử dụng mã OTP ông H11 cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 399.083 đồng;

38. Ông Nguyễn Văn H12 bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng V7 số 100872905281 mang tên Nguyễn Văn H12 và sử dụng mã OTP ông H12 cung cấp để chiếm đoạt 02 lần với tổng số tiền 5.991.756 đồng;

39. Ông Trần Thanh T13 bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng S1 số 060251244238 mang tên Trần Thanh T14 và sử dụng mã OTP ông T14 cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 2.012.920 đồng;

40. Bà Nguyễn Thị Thoại M4 bị H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng S1 số 060251244238 mang tên Nguyễn Thị Thoại M4 và sử dụng mã OTP bà M4 cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 200.000 đồng;

41. Bà Tàn Sì M5 bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng B số 46810001691053 mang tên Tàn Sì M5 và sử dụng mã OTP bà M5 cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 81.225 đồng;

42. Ông Đặng Minh T15 bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng T19 số 19037979432013 mang tên Đặng Minh T15 và sử dụng mã OTP ông T15 cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 201.292 đồng;

43. Ông Trần Trọng T16 bị Phan Thành H truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng T19 số 19037429419011 mang tên Trần Trọng T16 và sử dụng mã

OTP ông **T16** cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 1.811.628 đồng;

44. Bà **Văn Thị Trúc L2** bị **Phan Thành H** truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng **B** mang tên **Văn Thị Trúc L2** và sử dụng mã OTP bà **L2** cung cấp để chiếm đoạt 02 lần với tổng số tiền 1.455.500 đồng;

45. Bà **Bùi Thị H13** bị **Phan Thành H** truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng **W** số 100304038286 mang tên **Bùi Thị H13** và sử dụng mã OTP bà **H13** cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 274.990 đồng;

46. Ông **Đặng Minh G** bị **Phan Thành H** truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng **V5** số 1024142056 mang tên **Đặng Minh G** và sử dụng mã OTP ông **G** cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 1.400.000 đồng;

47. Bà **Trần Thùy N6** bị **Phan Thành H** truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng **V5** số tài khoản 0561000537739 mang tên **Trần Thùy N6** và sử dụng mã OTP bà **N6** cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 49.144.369 đồng;

48. Bà **Lê Thị M6** bị **Phan Thành H** truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng **A5** số tài khoản 253622609 mang tên **Lê Thị M6** và sử dụng mã OTP bà **M6** cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 26.101.019 đồng;

49. Bà **Lại Thị Kiều T17** bị **Phan Thành H** truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng **T19** số 19034310891013 mang tên **Lại Thị Kiều T17** và sử dụng mã OTP bà **T17** cung cấp để chiếm đoạt 02 lần với tổng số tiền 540.000 đồng;

50. Ông **Nguyễn Văn C3** bị **H** truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng **V7** số 101005023733 mang tên **Nguyễn Văn C3** và sử dụng mã OTP ông **C3** cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 4.276.757 đồng;

51. Bà **Mã Văn A2** bị **H** truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng **S1** số 050108831992 mang tên **Mã Văn A3** và sử dụng mã OTP ông **Mã Văn A3** cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 195.500 đồng;

52. Ông **Nguyễn Hữu D** bị **Phan Thành H** truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng **V5** số 0561000602184 mang tên **Nguyễn Hữu D** và sử dụng mã OTP ông **D** cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 1.635.067 đồng.

53. Bà **Nguyễn Thị L3** bị **H** truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng **A4** số 8209205114251 mang tên **Nguyễn Thị L3** và sử dụng mã OTP bà **L3** cung cấp để chiếm đoạt 01 lần với số tiền 500.000 đồng.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Cũng từ năm 2018, song song với việc thực hiện hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử chiếm đoạt tài sản, **H** còn nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Do việc đăng ký tài khoản Facebook chỉ cần số điện thoại nên để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, **H** đã sử dụng thông tin thu thập được của người khác gồm số điện thoại và mật khẩu đăng nhập ứng dụng ngân hàng để dò tìm và đăng nhập vào tài khoản Facebook của họ, giả danh chủ tài khoản nhắn tin nói chuyện với bạn bè của chủ tài khoản để làm cho họ tin tưởng là đang nhắn tin với chủ tài khoản sau đó **H** nhắn tin hỏi vay tiền, để bị hại chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng của **H** rồi chiếm đoạt. Hoặc **H** sử dụng tài khoản Facebook do **H** lập có tên “**Yến N1**” để nhắn tin với các bị hại đưa ra thông tin gian dối là cần phải chuyển tiền phí giao dịch để nhận tiền. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được **H** sử dụng tiêu xài cá nhân và nạp tiền chơi game.

Với phương thức, thủ đoạn như trên, **Phan Thành H** đã chiếm đoạt của **10 bị hại** với tổng số tiền **111.800.000 đồng**, cụ thể:

1. Ông **Lương Tấn T1**: **Phan Thành H** ngoài hành vi truy cập trái phép vào tài khoản **ngân hàng A4** số 4601205080997 của ông **T1** để chiếm đoạt số tiền 43.751.780 đồng, **Phan Thành H** còn giả danh nhân viên của dịch vụ chuyển tiền quốc tế **Western U** yêu cầu ông **T1** chuyển tiền để lấy phí quy đổi ngoại tệ, số tiền quy đổi sẽ hoàn trả lại sau khi ông **T1** nhận được tiền. Do tin tưởng ông **T1** đã chuyển khoản 32 lần từ tài khoản **ngân hàng A4** số 4601205080997 và tài khoản **ngân hàng B** đều mang tên **Lương Tấn T1** vào các tài khoản **ngân hàng M8**; số 26086012091993 và ví MOMO của **Phan Thành H** với tổng số tiền 97.400.000 đồng.

2. Bà **Trịnh Yến L**: **Phan Thành H** ngoài hành vi truy cập trái phép vào tài khoản **ngân hàng M9** số 0948880304 của bà **L** chiếm đoạt số tiền 990.000 đồng, **Phan Thành H** còn lừa bà **L** 01 lần tự chuyển số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản **ngân hàng V3** số 10128091993 mang tên **Phan Thành H** để chiếm đoạt.

3. Ông **Sơn Đ1** bị **H** lừa dối, đưa ra thông tin hiện là phật tử đang sinh sống tại nước ngoài muốn gửi tiền từ thiện cho chùa nhưng do ngân hàng đang bị lỗi nên nếu muốn nhận tiền thì ông **Đ1** phải đóng phí giao dịch. Do tin tưởng nên ông **Đ1** đã chuyển khoản 01 lần với số tiền 1.900.000 đồng từ tài khoản **ngân hàng A4** số 2001206507401 mang tên **S** vào tài khoản **ngân hàng V3** số 10128091993 mang tên **Phan Thành H**.

4. Ông **Trần Văn T18** bị **H** lừa dối, đưa ra thông tin hiện là phật tử đang sinh sống tại nước ngoài muốn gửi tiền từ thiện xây chùa nhưng do ngân hàng đang bị lỗi nên nếu muốn nhận tiền thì ông **T18** phải đóng phí giao dịch. Do tin tưởng nên ông **T18** đã chuyển khoản 03 lần với tổng số tiền 3.200.000 đồng từ tài khoản **ngân hàng A4** số 7205205013454 mang tên **Trần Văn T18** vào tài khoản **ngân hàng V3** số 10128091993 mang tên **Phan Thành H**.

5. Ông **Nguyễn Hữu D**, bị **H** yêu cầu chuyển 2.000.000 đồng để lấy lại tài khoản Facebook “Quảng Nhẫn”, vì không đủ tiền nên ngày 25/7/2022 ông **D** đã chuyển 01 lần với số tiền 100.000 đồng từ tài khoản **ngân hàng V5** số 9337433668 mang tên **Nguyễn Hữu D** qua tài khoản **V3** số 10128091993 mang tên **Phan Thành H**;

6. Bà **Trần Thị H14** bị **H** sử dụng tài khoản Facebook “Quảng Nhẫn” của ông **Nguyễn Hữu D** để nhắn tin vay mượn, lừa bà **H14** chuyển khoản số tiền 2.000.000 đồng từ tài khoản **ngân hàng A4** số 5209205186647 mang tên **Cao Thị Ngọc H15** (là con dâu của bà **H14**) qua tài khoản **ngân hàng V3** số 10128091993 mang tên **Phan Thành H**.

7. Bà **Trương Thị L4**, bị **Phan Thành H** sử dụng tài khoản Facebook “Quảng Nhẫn” của ông **Nguyễn Hữu D** nhắn tin vay mượn, lừa bà **L4** chuyển số tiền 1.000.000 đồng từ tài khoản **ngân hàng E** số 0915162579 mang tên **Trương Thị L4** qua tài khoản **ngân hàng V3** số 10128091993 mang tên **Phan Thành H**.

8. Bà **Võ Thị L5** bị **Phan Thành H** sử dụng tài khoản Facebook “Quảng Nhẫn” của ông **Nguyễn Hữu D** nhắn tin vay mượn, lừa bà **L5** chuyển 01 lần với số tiền 1.000.000 đồng từ tài khoản **ngân hàng V8** số 0001027882955 mang tên **Phạm Thị Tuyết V2** (là con ruột bà **L5**) qua tài khoản **ngân hàng V3** số

10128091993 mang tên **Phan Thành H.**

9. Bà **Võ Thị Ngọc M7** bị **Phan Thành H** sử dụng tài khoản Facebook “Quảng Nhẫn” của ông **Nguyễn Hữu D** nhắn tin vay mượn, lừa bà **M7** chuyển khoản 02 lần với tổng số tiền 2.200.000 đồng từ tài khoản **ngân hàng T19** số 19037113128013 mang tên **Võ Thị Ngọc M7** qua tài khoản **ngân hàng V3** số 10128091993 mang tên **Phan Thành H.**

10. Ông **Châu Sóc Phi R** bị **Phan Thành H** đưa ra thông tin hiện là phật tử đang sinh sống tại nước ngoài muốn gửi tiền từ thiện nhưng do ngân hàng đang bị lỗi nên nếu muốn nhận tiền thì ông **R** phải đóng 2.000.000 đồng phí giao dịch. Do tin tưởng nên ông **R** đã chuyển khoản 01 lần với số tiền 2.000.000 đồng từ tài khoản **ngân hàng V9** mang tên **Châu Sóc Phi R** đến tài khoản **ngân hàng V3** số 10128091993 mang tên **Phan Thành H.**

Tại kết luận giám định số 174 ngày 28/02/2023 của **Phòng K3 Công an tỉnh Đ**, kết luận: Điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, số IMEI 354465105489451/01, số IMEI2 354466105489459/01 tìm thấy 115 tin nhắn SMS, trong thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 03/11/2022; Chụp được 67 ảnh nội dung tin nhắn Zalo, 08 ảnh nội dung tin nhắn Messenger (Facebook) trong thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 03/11/2022.

Tang vật thu giữ gồm: 01 thẻ **ngân hàng V10**, số thẻ 4541 1909 9951 5387, số tài khoản 10128091993, mang tên “PHAN THANH HIEU”; 01 điện thoại di động hiệu **S3 A50**, số IMEI 1 354465105489451, số IMEI 2 354466105489459, bên trong máy có gắn 02 sim số 0359598444 và 0348703628 (đã niêm phong); Số tiền 5.200.000 đồng do chị **Nguyễn Thị Bích L6** (là chị họ **Phan Thành H**) giao nộp để bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho bị hại.

Tại Bản cáo trạng số 21/CT-VKS-P3 ngày 31/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Phan Thành Hiều về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố.

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HSST ngày 16-5-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo **Phan Thành H** phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; điểm b, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Xử phạt: Bị cáo **Phan Thành H** 12 (mười hai) năm tù.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Bị cáo **Phan Thành H** 03 (ba) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, bị cáo **Phan Thành H** phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **15 (mười lăm) năm tù.**

Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 03/11/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí sơ thẩm.

[3] Kháng cáo

Ngày 20-5-2024 bị cáo **Phan Thành H** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, lý do kháng cáo là mức hình phạt của Tòa án sơ thẩm là quá cao.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo **Phan Thành H** giữ nguyên kháng cáo, trình bày tranh luận là hành vi của bị cáo như kết luận điều tra là đúng, tuy nhiên bị cáo chiếm đoạt tài sản thông qua việc sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử, nên bị cáo chỉ có 01 tội; việc tách thành 02 tội gây bất lợi cho bị cáo và hình phạt tổng hợp lại là quá cao.

Luận cứ bào chữa của Luật sư **Đào Ngọc C** trình bày: mức hình phạt của bản án sơ thẩm là nghiêm khắc, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ là đã tác động gia đình để giao nộp tiền bồi thường thiệt hại một phần cho các bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện; hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bố mất sớm, mẹ phải đi làm thuê để kiếm sống, anh trai cũng đang đi chấp hành án. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về kháng cáo: Kiểm sát viên khẳng định hành vi của bị cáo **Phan Thành H** đã phạm tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 Bộ luật Hình sự và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật. Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết mới nên không chấp nhận kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Đắk Lắk trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh

Từ năm 2018 đến năm 2022 bị cáo **Phan Thành H** đã sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử, tạo lập website giả mạo dịch vụ chuyển tiền quốc tế Western Union để thu thập thông tin tài khoản ngân hàng, mã OTP để truy cập vào tài khoản ngân hàng của người khác, thực hiện việc chuyển tiền đến các tài khoản ngân hàng, tài khoản Game của **H** rồi chiếm đoạt, sử dụng

tiêu xài cá nhân. H đã chiếm đoạt của 53 bị hại với tổng số tiền 542.761.110 đồng. Hành vi của bị cáo **Phan Thanh H16** đã phạm tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 Bộ luật Hình sự.

Cũng trong thời gian này, bị cáo **H16** còn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn chiếm quyền sử dụng tài khoản Facebook của người khác, giả danh là chủ tài khoản Facebook, nhắn tin đến bạn bè của chủ tài khoản, đưa ra thông tin gian dối làm cho các bị hại tin tưởng, sau đó hỏi vay tiền để các bị hại chuyển tiền đến số tài khoản của **H16**, hoặc đưa ra thông tin gian dối với những người muốn nhận tiền thì phải đóng phí giao dịch để nhận tiền làm cho họ tin tưởng chuyển tiền cho **H16**. Sau đó, **H16** chiếm đoạt và tiêu xài cá nhân hết. **H16** đã chiếm đoạt của 10 bị hại với tổng số tiền 111.800.000 đồng. Hành vi của bị cáo **Phan Thanh H16** đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Kháng cáo của bị cáo cho rằng bị cáo có hành vi chiếm đoạt tài khoản Facebook để mượn tiền rồi chiếm đoạt, nhưng đây cũng là hành vi phạm tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông và phương tiện điện tử để chiếm đoạt. Tuy nhiên, hành vi này khác với các hành vi đã truy tố xét xử về tội *Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” bởi bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối ngay từ đầu, để bị hại tin mà giao tiền, đủ các yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Bản án sơ thẩm đã quyết định bị cáo phạm 02 tội là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xem xét về hình phạt:

Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân trong cuộc sống, đã lợi dụng lòng tin, hiểu biết hạn chế của các bị hại để chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo **H16** không có nghề nghiệp, không có thu nhập, thực hiện hành vi phạm tội làm nguồn sống chính chủ yếu; sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của 53 bị hại nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” và phạm tội “*có tính chất chuyên nghiệp*” theo điểm b, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”.

Bị cáo **H16** giả mạo chủ tài khoản Facebook để nhắn tin lừa đảo vay tiền, phí chuyển tiền của 10 bị hại, trong đó có 05 bị hại chuyển tiền cho bị cáo trên 2.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm g khoản 1 Điều 52 đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần cho các bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của

Bộ luật Hình sự.

Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để quyết định hình phạt phù hợp. Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét; có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo **Phan Thành H** phải chịu là 200.000 đồng.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Phan Thành H**, giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HSST ngày 16-5-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; điểm b, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phan Thành H** 12 (mười hai) năm tù về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phan Thành H** 03 (ba) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, bị cáo **Phan Thành H** phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **15 (mười lăm) năm tù**; thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 03-11-2022.

3. Các quyết định khác còn lại của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị; việc thi hành án được thực hiện theo bản án sơ thẩm.

4. Bị cáo **Phan Thành H** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Đắk Lắk;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

Nguyễn Tấn Long